

Số: 1236/QĐ-UBND

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Phú đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 73/TTr-SKHĐT, ngày 17/4/2017 về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Phú đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Phú đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu sau:

### 1. Quan điểm phát triển

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế một cách bền vững, dựa trên nền tảng, lợi thế của khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm quốc gia. Đồng thời, từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng khu vực thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp - xây dựng; tiếp tục thực hiện hiện đại hóa, thương mại hóa nền nông nghiệp theo hướng “tăng giá trị, giảm đầu vào”. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, ứng dụng mạnh khoa học và công nghệ, tiếp cận trình độ công nghệ tiên tiến. Phát triển văn hóa, xã hội đi đôi với tăng trưởng kinh tế, không ngừng cải thiện nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển.

Tiếp tục khơi dậy và huy động tối đa các nguồn nội lực, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đảm bảo sử dụng hiệu quả các

nguồn vốn đầu tư phát triển, tập trung đúng mức vốn ngân sách cho xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, nền tảng, gắn kết vào mạng lưới hạ tầng của Trung ương, của tỉnh trên địa bàn. Tranh thủ sự tài trợ, ưu đãi thông qua các Chương trình mục tiêu để phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội.

Tiếp tục khai thác lợi thế về vị trí địa lý, tận dụng tối đa lợi thế của các khu kinh tế của khẩu Khánh Bình và cửa khẩu Vĩnh Hội Đông, cửa khẩu Bắc Đai để phát triển dịch vụ biên mậu, sớm đưa huyện An Phú trở thành một địa bàn kinh tế mở của tỉnh An Giang thông thương giữa các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với nước bạn Campuchia. Phát triển kinh tế gắn với với bảo vệ tài nguyên và môi trường, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và phát triển cơ sở hạ tầng bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với quốc phòng an ninh để đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

## **2. Mục tiêu phát triển**

### **2.1. Mục tiêu:**

Phát triển kinh tế - xã hội của huyện An Phú theo hướng đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch, trọng tâm là kinh tế biên giới, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm kinh tế cửa khẩu phát triển của tỉnh An Giang. Tăng cường sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với quá trình biến đổi khí hậu; thu hút đầu tư các ngành công nghiệp chế biến nông sản, lương thực thực phẩm, gia công lắp ráp cho thị trường xuất khẩu. Đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, hiện đại hoá nông thôn, phát triển các thị trấn, thị tứ trở thành các tiểu trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội. Chuyển đổi cơ bản, toàn diện các hoạt động quản lý kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề. Kết cấu hạ tầng, mạng lưới thông tin, năng lượng đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, đời sống xã hội và quốc phòng - an ninh.

### **2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản:
  - + Theo giá so sánh 2010: năm 2020 đạt 2.856 tỷ đồng; năm 2025 đạt 3.311 tỷ đồng và năm 2030 tăng 3%/năm.
- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Công nghiệp - Xây dựng:
  - + Theo giá so sánh 2010: năm 2020 đạt 1.141 tỷ đồng; năm 2025 đạt 2.178 tỷ đồng và năm 2030 tăng 16,1%/năm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2020 ước đạt 7.500 - 9.000 tỷ đồng, năm 2025 đạt 15.000 - 18.000 tỷ đồng và năm 2030 tăng bình quân 15%/năm.
- Đến năm 2020, giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha đất canh tác đạt bình quân 160 triệu đồng, đến năm 2025 đạt bình quân 200 triệu đồng và đến năm 2030 đạt bình quân 200-250 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn năm 2020 đạt 400 tỷ đồng, năm 2025 đạt 600 - 650 tỷ đồng.
- Dân số đến năm 2020 ước đạt 182.830 người, năm 2025 đạt 186.985 người và đạt 169.000 người vào năm 2030.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt 50% vào năm 2020, 65% năm 2025 và trên 75% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) đến năm 2020 còn 10%; năm 2025 còn 5% và đến năm 2030 còn 3%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt trên 89,91%, năm 2025 đạt trên 97% và đến năm 2030 đạt trên 99%.

- Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm 2020 đạt 11,2 giường và 11,8 giường đến năm 2025 và đến năm 2030 đạt 12,2 giường.

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 10% vào năm 2020, còn 7,5% vào năm 2025 và còn 5% vào năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 95% vào năm 2020, 95% vào năm 2025, 100% vào năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học cơ sở đạt 95% vào năm 2020, 95% vào năm 2025 và trên 100% vào năm 2030.

- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc THPT và tương đương năm 2020 đạt 70%, năm 2025 đạt 90% và năm 2030 đạt trên 95%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 90% vào năm 2020, 95% vào năm 2025, 98% vào năm 2030.

- Phần đầu đến năm 2020 có 04 xã đạt nông thôn mới. Đến năm 2025 có 07 xã đạt nông thôn mới. Đến năm 2030 có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực:**

#### **3.1. Ngành Nông - Lâm - Thủy sản:**

Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa (lúa, rau màu, bắp...); vùng chuyên canh ứng dụng công nghệ cao, nhất là công nghệ sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản xuất trên 1 đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện mô hình chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Phát triển mạnh đàn vật nuôi chủ lực (heo, gia cầm, bò thịt); nhân rộng nhanh các mô hình hiệu quả về chăn nuôi heo tập trung, gà quy mô công nghiệp nhằm tạo khối lượng sản phẩm lớn. Phát triển chăn nuôi bò thịt theo mô hình “bắp - bò” ở các địa phương có điều kiện về thức ăn. Chú trọng đầu tư công tác giống để phát triển đàn vật nuôi; khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi hàng hoá tập trung theo phương thức công nghiệp, xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, đảm bảo cung cấp thực phẩm sạch, an toàn cho thị trường. Chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư sang hình thức nuôi tập trung, trang trại, gia trại; hình thành các vùng chăn nuôi xa khu dân cư tập trung.

Khai thác nguồn lợi thủy sản tự nhiên một cách hợp lý, hạn chế tối đa đánh bắt mang tính hủy diệt; sử dụng an toàn hệ sinh thái và môi trường nước mặt, chú ý đưa nước vào các vùng đê bao để phát triển các loài thủy sinh vật; khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về khai thác, đánh bắt thủy sản.

#### **3.2. Ngành Công nghiệp - Xây dựng:**

### *a) Công nghiệp:*

Thu hút các ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản, lương thực thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc; công nghiệp chế tạo khác như: hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, các loại hình sản xuất công nghiệp liên quan đến giai đoạn hoàn tất (tinh chế, đóng gói, bao bì); công nghiệp sử dụng nhiều lao động (may mặc, giày dép) phục vụ cho xuất khẩu. Thực hiện sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp, đóng gói hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ. Đối với ngành chế biến lương thực - thực phẩm, chế biến nông thủy sản các loại: chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu sang thị trường Campuchia và các nước trong khu vực ASEAN.

Phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn nhằm giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích các cơ sở sản xuất cá thể, doanh nghiệp nhỏ đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ gạo, từ bắp như: bún, hủ tiếu, miếng dong, bánh tráng, tinh bột gạo, bánh bột; rau quả đông lạnh, nước ép các loại... Kêu gọi đầu tư vào làng nghề truyền thống dân tộc Chăm ở 2 xã Nhơn Hội và Đa Phước. Khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư công nghiệp cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn như: chế tạo máy nông nghiệp, nông cụ, cầu sắt mạ kẽm, cầu nông thôn, tàu, xà lan... thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn huyện, các huyện thị lân cận.

### *b) Xây dựng:*

Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật tạo môi trường bền vững, tránh ảnh hưởng tiêu cực do quá trình đô thị hóa như ô nhiễm môi trường, phá hủy hệ sinh thái tự nhiên. Tăng cường mời gọi các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, vệ sinh môi trường đô thị. Tăng nhanh tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt khoảng 15%, năm 2025 đạt 17,5% và đến năm 2030 đạt 22%; nâng chất đô thị phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Khuyến khích các tổ chức tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng nâng cao năng lực hoạt động, từng bước đạt trình độ ngang tầm và đủ sức cạnh tranh với các tổ chức, nhà thầu trong tỉnh.

### **3.3. Ngành thương mại - dịch vụ:**

Tập trung kêu gọi đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các chợ biên giới, trung tâm thương mại trên địa bàn, trọng tâm là hỗ trợ triển khai nhanh các dự án hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các khu chức năng, khu vực kho, bãi tập kết... tại khu vực kinh tế cửa khẩu (các xã biên giới), tập trung phát triển hạ tầng logistics, giúp doanh nghiệp, hộ gia đình đẩy mạnh giao thương và trao đổi, mua bán hàng hóa qua biên giới. Đầu tư các hạ tầng kỹ thuật tại các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu đảm bảo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư cơ sở công nghiệp lắp ráp, chế biến thực phẩm, công nghiệp nhẹ, đóng gói bao bì để sản xuất hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Campuchia.

Tạo điều kiện để các xã biên giới phát huy tiềm năng trên các ngành dịch vụ như dịch vụ kho bãi, đầu mối trung chuyển hàng hóa, nông sản qua biên giới. Cầu Long Bình hoàn thành sẽ kết nối các tuyến giao thông huyết mạch của huyện, mở ra hướng phát triển cho các xã khu vực biên giới, như: Khánh An, Khánh Bình, thị trấn Long Bình.

Nâng chất và duy trì thường xuyên các sự kiện xúc tiến thương mại biên giới, tổ chức giao thương doanh nghiệp hai nước Việt Nam - Campuchia, xây dựng kênh đối thoại các cơ quan chức năng Campuchia hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận và mở rộng thị trường thông qua các kỳ họp định kỳ với hai tỉnh giáp biên.

### **3.4. Ngành du lịch:**

Tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế cùng tham gia theo chủ trương xã hội hóa các hoạt động du lịch; tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu của du khách, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Đặc biệt, chú trọng vào việc khai thác giá trị văn hóa Chăm và khu vực Búng Bình Thiên.

Phát huy tổng hợp các nguồn lực để phát triển du lịch, liên doanh, liên kết với các đơn vị hoạt động du lịch, gắn với tuyến du lịch của tỉnh. Tập trung vào những sản phẩm du lịch đặc thù như: du lịch biên giới, du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, du lịch sông nước. Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư cơ sở lưu trú, nhà hàng khách sạn tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch ở khu vực trung tâm thị trấn, khu cửa khẩu.

### **3.5. Ngành giáo dục, đào tạo và dạy nghề:**

Phát triển giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, xã hội hóa; nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu phát triển của xã hội. Phát huy mọi nguồn lực của xã hội nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của địa phương một cách bền vững; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, khắc phục những tồn tại, yếu kém, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề, đặc biệt đối với giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp.

Phấn đấu giảm tối thiểu tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban, bỏ học thấp hơn mức bình quân cả tỉnh. Đảm bảo đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên các trường học đều đạt chuẩn và tăng tỷ lệ trên chuẩn, đáp ứng đủ tỉ lệ giáo viên/lớp theo quy định. Phấn đấu đến năm 2020 có 50% trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2025 là 70% và năm 2030 là 85%.

### **3.6. Ngành y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:**

Phát triển hệ thống y tế trên địa bàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của huyện, gắn liền với đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và đảm bảo sự công bằng trong khám, chữa bệnh; giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống.

Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh, bảo đảm cho mọi người dân tiếp cận một cách thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng tại tất cả các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế công lập và tư nhân. Các đơn vị y tế đảm bảo đáp ứng được các dịch vụ y tế theo tuyến, hạn chế quá tải tại bệnh viện tuyến huyện. Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu có chất lượng.

### **3.7. Ngành văn hóa, thể dục thể thao:**

Xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm huy động mọi tiềm năng trí tuệ và vật chất trong xã hội, vào chăm lo, phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao; ưu tiên hỗ trợ, đầu tư phát triển văn hóa, thể thao ở vùng dân cư nghèo, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Phát triển các cơ sở dịch vụ văn hóa, thể thao ngoài công lập và tư nhân. Khuyến khích và ưu tiên đầu tư cho những hoạt động văn hóa, thể thao then chốt, góp phần giáo dục, định hướng tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống lành mạnh của nhân dân.

Xây dựng, nâng cấp và hoàn chỉnh cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định. Tập trung đầu tư, xây dựng lực lượng ở các môn thể thao mũi nhọn (bóng đá, đua thuyền, võ thuật, cầu lông...) nâng cao thứ hạng ở các kỳ Đại hội cấp tỉnh. Đóng góp nhiều vận động viên cho đội tuyển tỉnh thi đấu khu vực, toàn quốc.

### **3.8. Lĩnh vực an sinh xã hội, công tác giảm nghèo:**

Đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội kịp thời, đúng quyền lợi đến các đối tượng chính sách, người thụ hưởng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với hộ nghèo, người nghèo được công khai, đầy đủ, kịp thời. Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận và thụ hưởng chính sách, dịch vụ cơ bản xã hội. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới còn 10% vào năm 2020, còn 5% năm 2025 và đến năm 2030 còn 3%.

Tiếp tục rà soát, tiếp nhận và giải quyết kịp thời hồ sơ người có công. Đẩy mạnh thực hiện các phong trào chăm sóc người có công, vận động các ngành, các cấp, các đoàn thể quan tâm, giúp đỡ bằng nhiều nguồn lực nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người có công. Thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho người có công được kịp thời và đầy đủ.

### **3.9. Hệ thống kết cấu hạ tầng:**

Phát triển hệ thống giao thông trên cơ sở tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ của trung ương và của tỉnh, tập trung vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng mang tính chất trọng tâm, trọng điểm như: QL 91C, ĐT 957, cầu Long Bình, cảng Long Bình, cảng Vĩnh Hội Đông,... gắn với quá trình phát triển của huyện trong tương lai. Đồng thời, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, kết hợp xây dựng mới trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn ở các xã trên cơ sở lồng ghép với xây dựng tiêu chí giao thông trong chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Phát triển hệ thống giao thông vùng biên giới trên cơ sở hòa bình, hữu nghị hợp tác phát triển với các huyện Bourei Choisar, Kaoh Thum của nước bạn

Campuchia. Phát triển hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn huyện trên cơ sở từng bước đồng bộ hóa giữa hệ thống cầu và đường. Phát triển giao thông gắn với hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

#### **4. Một số giải pháp chủ yếu:**

##### ***4.1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư***

Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách, đảm bảo huy động đúng mức các nguồn thu từ các thành phần kinh tế theo chính sách thuế hiện hành, tăng cường nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế theo hướng tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thực hành triệt để tiết kiệm để sử dụng có hiệu quả và tăng tỷ lệ tích lũy đầu tư từ ngân sách.

Đẩy mạnh xúc tiến thu hút các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BTO, PPP và BT; thu hút FDI... để có đủ nguồn lực xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện. Phát triển kinh tế trang trại, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, tạo ra nhiều việc làm, nhất là ở vùng nông thôn bằng cách tạo thuận lợi trong việc cấp phép đăng ký kinh doanh, giao đất, cho thuê đất, thuê mặt bằng, miễn giảm thuế và tiền thuê đất, sử dụng đất.

Chủ động xây dựng các đề án để tranh thủ vốn từ các tổ chức tài trợ quốc tế để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là những dự án phát triển giao thông nông thôn, các dự án nâng cao năng lực các công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp, dự án phát triển mạng lưới điện nông thôn, dự án hỗ trợ giáo dục - dạy nghề, các dự án về y tế, cấp nước sinh hoạt, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

##### ***4.2. Nhóm giải pháp phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội***

Chủ động phối hợp với các sở, ngành của tỉnh lên kế hoạch, chương trình hành động trong việc huy động nguồn vốn, bố trí quỹ đất cũng như kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước để phát triển các hạ tầng kỹ thuật quan trọng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao, môi trường.

Tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong việc xây dựng và kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi và các hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới, phục vụ thiết thực hiệu quả cho quá trình tái cơ cấu nông nghiệp.

##### ***4.3. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

Có chính sách hợp lý thu hút lực lượng lao động về địa phương, cơ chế cụ thể để thu hút học sinh, sinh viên là con em của huyện sau khi học xong trở về địa phương làm việc bằng những chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nâng cao chất lượng toàn diện về dân số và lao động, trước hết cần quan tâm sức khỏe cộng đồng, giảm nhanh tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em. Từng bước đảm bảo các điều kiện giải trí, sinh hoạt văn hóa cho nhân dân.

Nâng cao trí tuệ nguồn nhân lực trên cơ sở nâng cao trình độ học vấn, có chính sách hỗ trợ đào tạo nhân tài. Nâng cao trình độ kỹ thuật và tay nghề cho người lao động, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển

nhiều ngành nghề mới và đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Có chính sách, biện pháp khuyến khích đào tạo, nâng cao trình độ của người lao động nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nhất là nhu cầu phát triển công nghiệp và dịch vụ.

#### **4.4. Nhóm giải pháp khoa học công nghệ - môi trường**

Khuyến khích và đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới trong các ngành dịch vụ và sản xuất trên mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề. Lựa chọn, chuyển giao công nghệ mới trong nước và nhập ngoại như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học để nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất, dịch vụ như các loại giống mới, thiết bị công nghệ chế biến nông sản, thiết bị công nghệ trong sản xuất các sản phẩm công nghiệp nhằm tạo ra nhiều loại sản phẩm có chất lượng và giá trị cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ. Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác về khoa học công nghệ giữa địa phương với các cơ quan, tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong cả nước.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường, quản lý chất thải giữa các ngành, các cấp, khắc phục tình trạng chồng chéo trong quản lý. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên huyện; cơ chế để nhân dân giám sát có hiệu quả việc quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và nghiêm minh xử phạt đủ mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13.

#### **4.5. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện Quy hoạch**

Sau khi được phê duyệt UBND huyện trực tiếp chỉ đạo việc triển khai thực hiện quy hoạch, như: Tổ chức công bố quy hoạch để phổ biến rộng rãi trong toàn dân, các cấp, các ngành, các nhà đầu tư tham gia thực hiện quy hoạch có hiệu quả; thực hiện lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của quy hoạch vào kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm, các chương trình, các dự án phát triển trên địa bàn trong từng thời kỳ; các ngành liên quan xây dựng các kế hoạch thực hiện, trong đó thể hiện cụ thể các nhiệm vụ và giải pháp lớn để thực hiện trong từng giai đoạn. Đồng thời, huyện sẽ rà soát những nhiệm vụ trong quy hoạch ngoài thẩm quyền của mình, để tổng hợp, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan của tỉnh thực hiện hoặc hỗ trợ huyện.

### **5. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: (Phụ lục kèm theo)**

**Điều 2.** Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện An Phú theo quy định.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân huyện An Phú căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quyết định này, chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan chỉ đạo các bộ phận chuyên môn lập và trình duyệt các chương trình, dự án và triển khai thực hiện theo quy định:

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện và pháp luật của nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy



động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc từng bước đầu tư theo hướng ưu tiên hợp lý.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện và của tỉnh trong từng giai đoạn quy hoạch.

**Điều 4.** Các Sở, Ban ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hỗ trợ huyện An Phú nghiên cứu lập các kế hoạch, chương trình, dự án nói trên và hỗ trợ huyện tìm và bố trí các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện quy hoạch; huyện An Phú phối hợp các Sở, ban ngành nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành một số chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện đã được quyết định đầu tư.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Phú, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VTLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nung**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2016**  
**- 2030 CỦA HUYỆN AN PHÚ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp - thủy lợi</b>
1	Dự án: Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long trên địa bàn huyện An Phú (Dự án kiểm soát lũ Đông Sông Hậu - An Phú): - Xây dựng 11 tuyến đê bao phục vụ kiểm soát lũ và phát triển giao thông mùa cạn. - Xây dựng 15 công hồ phục vụ tiêu thoát nước và giao thông thủy phục vụ sản xuất trong và ngoài vùng đê bao.
2	Các dự án hạ tầng trong dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) tỉnh An Giang
3	Hệ thống đê bao kiểm soát lũ, kênh mương thủy lợi, cầu cống hồ theo dự án Xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng lớn
4	Hệ thống thủy lợi công nghệ cao và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất xã Khánh An
5	Hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, cấp điện cho các vùng chuyên canh lúa hàng hoá
6	Hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, cấp điện cho các vùng chuyên canh NTTS
7	Hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, cấp điện cho các vùng chuyên canh rau màu hàng hoá
8	Duy tu, nạo vét các kênh mương
9	Đầu tư các công trình cống
10	Đầu tư các trạm bơm điện
11	Kè đá sông Bình Di, đoạn qua cửa khẩu Khánh Bình
12	Kè bảo vệ TT.Long Bình
13	Nạo vét chính trị dòng chảy sông Hậu
14	Hạ tầng các khu chăn nuôi tập trung
15	Nâng cấp và thay thế hệ thống thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm nhiễm Arsen
16	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Búng Bình Thiên
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực công nghiệp</b>
1	Hạ tầng CCN An Phú
2	Hạ tầng CCN Long Bình
3	Hạ tầng CCN Khánh Bình
4	Hạ tầng CCN Vĩnh Hậu (Kênh Xáng)
5	Hạ tầng CCN Đa Phước
6	Hạ tầng khu SXCN trong Khu kinh tế cửa khẩu
7	Đầu tư vào làng nghề truyền thống dân tộc Chăm ở 2 xã Nhơn Hội và Đa Phước
8	Nhà máy chế biến tinh bột bắp

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ</b>
	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi
9	Nhà máy chế biến, bảo quản rau quả Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh
10	Nhà máy SX gia công trang phục, giày dép, lắp ráp, đóng hộp, bao bì
11	Các dự án thứ cấp vào các cụm công nghiệp
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu và khu dân cư, nhà ở</b>
1	Nâng cấp đô thị An Phú lên đô thị loại IV
2	Nâng cấp đô thị Long Bình lên đô thị loại IV
3	Nâng cấp Cồn Tiên đô thị loại V
4	Khu đô thị Cồn Tiên
5	Khu dân cư thương mại TT Long Bình
6	Xây dựng cửa khẩu Khánh Bình, Vĩnh Hội Đông, Bắc Đai
7	Cơ sở hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình
8	Xây dựng mạng lưới thoát nước mưa tại Khu vực các cửa khẩu
9	Xây dựng mới nhà máy nước tại thị trấn Long Bình
10	Trạm xử lý nước thải cửa khẩu Khánh Bình
11	Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước xuyên biên giới
12	Nâng cấp hệ thống cấp nước huyện An Phú
13	Trạm kiểm soát liên hợp và bãi hàng hóa phục vụ kiểm soát tại các cửa khẩu
14	Đầu tư xây dựng tuyến trung thế dẫn điện từ các trạm 110/22Kv ra khu vực các cửa khẩu
15	Chương trình cụm, tuyển dân cư vượt lũ GĐ 2 (mở rộng)
16	Chương trình nâng cấp cụm, tuyển dân cư phù hợp tình trạng BĐKH
17	Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg
18	Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ số 22/2013/QĐ-TTg
19	Tuyển dân cư dân tộc Chăm
20	Dự án nhà ở xã hội thị trấn An Phú theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh An Giang
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch</b>
1	Nâng cấp cải tạo chợ cửa khẩu Long Bình
2	Phát triển mới 7 chợ: chợ Cồn Tiên, chợ Hà Bao 1; chợ Búng Lớn; chợ đầu mối rau quả Khánh Bình, chợ Ngã 3 chợ Vĩnh Nghĩa; chợ cửa khẩu Vĩnh Hội Đông
3	Nâng cấp cải tạo các chợ: chợ An Phú, chợ biên giới Khánh An, chợ biên giới Nhơn Hội, chợ biên giới Vĩnh Hội Đông
4	Chợ rau dưa xuất khẩu
5	Dự án khai thác tổng hợp cù lao Vĩnh Trường
6	Khu du lịch Búng Bình Thiên

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ</b>
	Đường vào khu du lịch Búng Bình Thiên
7	Điểm du lịch Bung Bàu Nâu
8	Điểm du lịch Giồng Cây Da
9	Hạ tầng kỹ thuật Khu thương mại - dịch vụ Khánh Bình
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>
1	QL 91C
2	ĐT 957, ĐT.950
3	Đường tuần tra biên giới
4	Các tuyến đường huyện duy tu, sửa chữa: ĐH.92; ĐH.93; ĐH.94; ĐH.95; ĐH.96; ĐH.98, ĐH.86B.
5	Các tuyến đường huyện chuyển cấp: ĐH.90, ĐH.99 nâng cấp thành ĐT.950
6	Các tuyến đường huyện nâng cấp: ĐH.86, ĐH.87, ĐH.88, ĐH.91, ĐH.97, ĐH.94.
7	Các tuyến dự kiến (mở mới hoặc nâng cấp từ đường GTNT): ĐH.88B, ĐH.89B, ĐH.90B, ĐH.91B, ĐH.92B
8	Hệ thống giao thông nội bộ và bãi xe trong khu thương mại dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình
9	Đường nối từ QL.91C (đoạn mở mới vào cầu Long Bình) đến bến cảng Khánh Bình
10	Xây dựng mới cầu: cầu Phú Hội, cầu C3, cầu đình Vĩnh Thạnh, cầu Vĩnh Hậu (đầu cồn), cầu Vĩnh Hậu (đuôi cồn), cầu Cồn Cóc, cầu Sa Tô, cầu Út Xuân, cầu rạch Cỏ Lao, cầu Bảy Trúc,
11	Duy tu sửa chữa các cầu: cầu Rạch Cần Thơ, cầu Rạch Rề, cầu Vĩnh Lợi, cầu Vĩnh Lộc, cầu Lòng Hồ (Phú Hữu), cầu Vàm kênh mới, cầu Thạnh Hòa.
12	Chuyển đổi kết cấu các cầu: cầu Sa Tô, cầu Kênh 05 xã, cầu Hiệp Lợi, cầu Chốt xã Đội, cầu Hai Nguyệt, cầu Nhánh Tây, cầu Vĩnh Trường, cầu số 2, số 6 và cầu số 13 (đường nội xã Phú Hữu), cầu Dung Thăng, cầu Chắc Rề, cầu Xẻo Thị Bốn, cầu Kinh 05 xã, cầu Hiệp Lợi, cầu Chốt xã Đội, cầu Hai Nguyệt
13	Bến cảng Khánh Bình trên sông Hậu
14	Cảng Châu Đốc
15	Cảng Vĩnh Hội Đông
16	Cảng Long Bình
17	Cầu Vĩnh Lộc
18	Bến xe khách Khánh Bình
19	Bến xe tải Cồn Tiên
20	Trạm dừng nghỉ An Phú
21	Quy hoạch nâng cấp tuyến đường thủy sông Bình Di đạt cấp III
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, quản lý nhà nước, môi trường</b>
1	Trụ Sở huyện ủy An Phú
2	Bệnh viện đa khoa tuyến huyện
3	Nâng cấp, cải tạo các trạm y tế xã/thị trấn

TT	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
4	Nâng cấp các trường mẫu giáo, phổ thông
5	Xây mới các trường THPT An Phú 2, THPT cấp 2-3 Long Bình
6	Nhà thiếu nhi huyện An Phú
7	Trung tâm VH và học tập cộng đồng
8	Hồ bơi An Phú
9	Xây dựng nghĩa trang, nhà hỏa táng cấp huyện
10	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn Phước Hưng
11	Xây dựng lò đốt rác

\* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.